



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG**

**VIEN DONG SECURITIES CORPORATION**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**

**2011 ANNUAL REPORT**

# I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông được thành lập theo giấy phép số 76/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/02/2008 với số vốn điều lệ là **135,000,000,000 đồng** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đặt tại địa chỉ 80 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh với sàn giao dịch được thiết kế rộng rãi, hiện đại và tiện nghi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đã thành lập Văn phòng Đại diện Hà Nội đặt tại Số 05 Nguyễn Khắc Cần (4A ngõ Tràng Tiền), P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

## 2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh
- Lưu ký chứng khoán

Qua hơn 03 năm hoạt động, công ty đã được hơn 2.200. nhà đầu tư tín nhiệm chọn là nơi mở tài khoản và giao dịch chứng khoán.

## 3. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông định hướng phát triển thành một trong những công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ môi giới chất lượng cao, cùng với mô hình hoạt động tiên tiến, linh hoạt, mang lại hiệu quả tối ưu cho nhà đầu tư.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Chỉ tiêu	Tình hình thực hiện
Doanh thu thuần	6.721.758.129
Lợi nhuận từ HĐKD	(8.887.585.913)
Lợi nhuận khác	(86.190.416)
Lợi nhuận trước thuế	(8.973.776.329)
Lợi nhuận sau thuế	(8.973.776.329)

### 2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Những bất ổn của nền kinh tế thế giới trong năm 2011 đã tác động nặng nề đến nền kinh tế Việt Nam khiến hoạt động của các công ty chứng khoán gặp nhiều khó khăn. Trong tình hình đó, VDSE đã nỗ lực từng bước vượt qua bằng cách tái cấu trúc bộ máy tổ chức, sắp xếp lại các nguồn lực một cách hợp lý nhằm xây dựng cơ cấu hoạt động tiết kiệm, linh hoạt, hiệu quả, đồng thời sẵn sàng phát triển ngay khi thị trường có dấu hiệu phục hồi.

Kế hoạch phát triển trong năm 2012 của VSDSE được xác định như sau:

- Định hướng phát triển mảng nghiệp vụ môi giới làm trọng tâm: tập trung phát triển khách hàng, nghiên cứu xây dựng các sản phẩm mới phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng, từng bước nâng cao thị phần môi giới.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng đội ngũ chuyên viên môi giới tận tâm, chuyên nghiệp.
- Rà soát lại các quy trình nghiệp vụ, thực hiện những điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả công việc và đáp ứng linh hoạt các nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu để quảng bá rộng rãi hơn nữa hình ảnh công ty đối với khách hàng.

## III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bối cảnh bất ổn của tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Chứng

Khoán Viễn Đông, dẫn đến kết quả năm 2011 đã không đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra. Tuy nhiên, Công ty cổ phần chứng khoán Viễn Đông đã chủ động cơ cấu danh mục đầu tư kịp thời với biến động của thị trường, đảm bảo an toàn nguồn vốn.

Chỉ số tài chính:

Tính đến cuối tháng 12/2011, công ty vẫn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính:

- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng : 197.39 % ( trên 180%)
- Tỷ lệ tổng nợ/vốn chủ sở hữu : 0,01% (không vượt quá 6 lần)
- Nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn : 0,02% (nhỏ hơn 1)
- Giá trị còn lại của tài sản cố định/vốn điều lệ: 10,66% (không vượt quá 50%)

#### **Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận:**

- Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, dẫn đến giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường giảm mạnh, thấp hơn nhiều so với dự báo khi xây dựng kế hoạch của VDSE, đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu từ hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 đã suy giảm đáng kể do kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết gặp khó khăn, đã làm ảnh hưởng lớn đến việc trích lập dự phòng danh mục tăng thêm.
- Mặc dù đã hết sức nỗ lực, theo dõi sát sao tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán nhưng diễn biến thị trường không thuận lợi và thanh khoản cổ phiếu xuống mức thấp chưa từng có nên việc cơ cấu danh mục gặp rất nhiều khó khăn.

#### **Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Về hệ thống phần mềm Công ty đã nâng cấp đáp ứng yêu cầu thay đổi sản phẩm mới cũng như những thay đổi giao dịch của UBCKNN yêu cầu.
- Nâng cao hệ thống quản trị rủi ro của công ty trong năm 2011, đã không xảy ra rủi ro đáng kể.
- Đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của UBCKNN.
- Nâng cao trình độ của nhân viên môi giới thông qua các khóa đào tạo chuyên môn của Trung tâm đào tạo buổi tập huấn nội bộ của công ty, góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của khách hàng.
- Xây dựng được mối quan hệ khá tốt với các tổ chức niêm yết để hỗ trợ nhiều thông tin cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán tại VDSE.

## **2. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

### ***2.1. Nhận định tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2012***

- Tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến phức tạp theo chiều hướng không thuận lợi do ảnh hưởng của nợ công Châu Âu.
- Tình hình kinh tế Việt Nam theo hướng ưu tiên kiềm chế lạm phát, tăng trưởng GDP có chiều hướng giảm so với năm 2011. Tuy nhiên, nguồn kiều hối năm 2012 dự báo sẽ cao hơn năm 2011 và các Quỹ đầu tư nước ngoài sẽ giải ngân nhiều tại Việt Nam, đây là tín hiệu rất tích cực về thanh khoản cho thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam: còn chịu ảnh hưởng do khó khăn chung của nền kinh tế và chương trình tái cấu trúc ngành ngân hàng cũng như ngành chứng khoán. Tuy nhiên, trong năm 2012 hứa hẹn sự thay đổi vượt bậc của cơ quan quản lý ngành chứng khoán bằng việc minh bạch hoá thị trường chứng khoán, tạo thêm nhiều sản phẩm chứng khoán có chất lượng cao, gia tăng chất lượng hoạt động của các công ty chứng khoán thành viên...

### ***2.2. Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông***

#### ***2.2.1. Lựa chọn mục tiêu kinh doanh***

Trong bối cảnh tình hình vĩ mô đang khó khăn và diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ban điều hành quyết định trình Hội Đồng Quản trị mục tiêu kinh doanh của năm 2012 như sau:

- Đảm bảo hệ số an toàn tài chính của VDSE.
- Hạn chế hoạt động tự doanh, đẩy mạnh phát triển nghiệp vụ môi giới và tài trợ giao dịch cho khách hàng.
- Phát triển số lượng khách hàng mới nhằm mục đích nâng cao giá trị giao dịch môi giới trong năm 2012.
- Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để đáp ứng hoạt động kinh doanh

#### ***2.2.2. Kế hoạch lợi nhuận năm 2012***

##### **a. Chỉ tiêu lợi nhuận năm 2012:**

Do định hướng năm 2012 VDSE hạn chế hoạt động tự doanh (đây là hoạt động mang lợi thu nhập chính cho VDSE trong những năm trước đây) và bắt đầu đẩy mạnh hoạt động môi giới. Cho nên, Ban điều hành VDSE đưa ra mục tiêu bảo toàn vốn và chuẩn bị nội lực cho việc phát triển môi giới.

##### **b. Hoạt động môi giới**

- Số lượng tài khoản: dự kiến tăng thêm 500 tài khoản.
  - Phân đầu đạt thị phần môi giới toàn thị trường là 1,5% thuộc nhóm 15 công ty dẫn đầu thị trường về thị phần môi giới toàn thị trường.
- c. Hoạt động dịch vụ chứng khoán
- Hạn chế rủi ro nợ xấu đối với hoạt động tài trợ giao dịch ở mức dưới 0.5%.
  - Tập trung chăm sóc khách hàng có chất lượng, kích hoạt giao dịch của nhóm khách hàng vắng lai và đẩy mạnh giao dịch trực tuyến.

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>68,446,125,969</b>	<b>77,361,194,740</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>6,338,321,147</b>	<b>7,663,222,310</b>
1. Tiền	111		6,338,321,147	7,663,222,310
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.03	<b>15,670,878,189</b>	<b>24,319,950,158</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18,089,218,614	24,876,006,427
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2,418,340,425)	(556,056,269)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.04	<b>34,630,868,660</b>	<b>31,944,212,095</b>
2. Trả trước cho người bán	132		294,546,250	214,296,250
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	133		25,247,693,940	21,529,419,964
4. Các khoản phải thu khác	135		9,088,628,470	10,200,495,881
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>11,806,057,973</b>	<b>13,433,810,177</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36,712,688	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	66,837,399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		316,785,460	316,785,460
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11,452,559,825	13,050,187,318
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>45,967,861,199</b>	<b>50,396,978,596</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>			

			<b>1,438,651,576</b>	<b>3,632,670,248</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	600,017,762	2,652,000,652
- Nguyên giá	222		4,272,527,198	6,095,428,198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,672,509,436)	(3,443,427,546)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	838,633,814	980,669,596
- Nguyên giá	228		1,803,714,585	1,603,714,585
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(965,080,771)	(623,044,989)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.03	<b>43,629,147,525</b>	<b>45,829,147,525</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		43,629,147,525	45,829,147,525
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>900,062,098</b>	<b>935,160,823</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	68,815,791	382,840,895
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	V.09	821,246,307	445,766,728
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	10,000,000	106,553,200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>114,413,987,168</b>	<b>127,758,173,336</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1,153,873,955</b>	<b>5,519,229,694</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,153,873,955</b>	<b>5,519,229,694</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	-	1,600,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.11	51,489,735	177,176,086
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	34,410,014	214,224,315
4. Phải trả người lao động	315	V.11	30,383,152	49,390,335
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	316	V.12	910,376,400	1,650,661,400
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	317	V.13	52,762,190	46,540,750
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	236,927,597	1,922,629,941
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(162,475,133)	(141,393,133)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.14	<b>113,260,113,213</b>	<b>122,238,943,642</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			

			<b>113,260,113,213</b>	<b>122,238,943,642</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	135,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	5,054,100
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(21,739,886,787)	(12,766,110,458)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>114,413,987,168</b>	<b>127,758,173,336</b>

## 2. Kết quả hoạt động kinh doanh

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1.</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>VI.15</b>	<b>6,721,758,129</b>	<b>14,325,124,789</b>
	<b>Trong đó</b>				
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3,411,644,112	8,260,736,631
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2,871,467,980	5,437,630,154
	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
	- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
	- Doanh thu khác	01.9		438,646,037	626,758,004
<b>2.</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>6,721,758,129</b>	<b>14,325,124,789</b>
<b>4.</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.16</b>	<b>7,657,671,673</b>	<b>14,961,678,633</b>
<b>5.</b>	<b>Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(935,913,544)</b>	<b>(636,553,844)</b>
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.17	7,951,672,369	10,628,727,387
<b>7.</b>	<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(8,887,585,913)</b>	<b>(11,265,281,231)</b>
8.	Thu nhập khác	31	VI.18	1,083,356,550	528,708,690
9.	Chi phí khác	32	VI.19	1,169,546,966	501,566,370



10.	Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(86,190,416)	27,142,320
11.	Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(8,973,776,329)	(11,238,138,911)
12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14.	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8,973,776,329)	(11,238,138,911)

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(8,973,776,329)	(11,238,138,911)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,224,471,706	1,772,689,641
Các khoản dự phòng	03	1,862,284,156	280,164,569
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5,054,100)	5,054,100
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(949,682,157)	(61,889,490)
Chi phí lãi vay	06	222,103,100	220,851,166
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(6,619,653,624)	(9,021,268,925)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(914,265,846)	14,311,870,668
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(2,765,355,739)	(12,747,439,216)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	277,312,416	(16,152,450)
Tiền lãi vay đã trả	13	(222,103,100)	(220,851,166)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(10,244,065,893)	(7,693,841,089)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(1,361,287,385)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	496,504,344	500,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6,749,010,000)	(11,251,679,465)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15,735,797,813	14,170,852,475
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,035,872,573	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	10,519,164,730	2,057,885,625
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	11,550,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,600,000,000)	(10,890,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1,600,000,000)</b>	<b>660,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1,324,901,163)</b>	<b>(4,975,955,464)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,663,222,310	12,634,123,674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5,054,100
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6,338,321,147</b>	<b>7,663,222,310</b>

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH kiểm toán DFK Việt Nam

### 2. Ý kiến của kiểm toán độc lập :

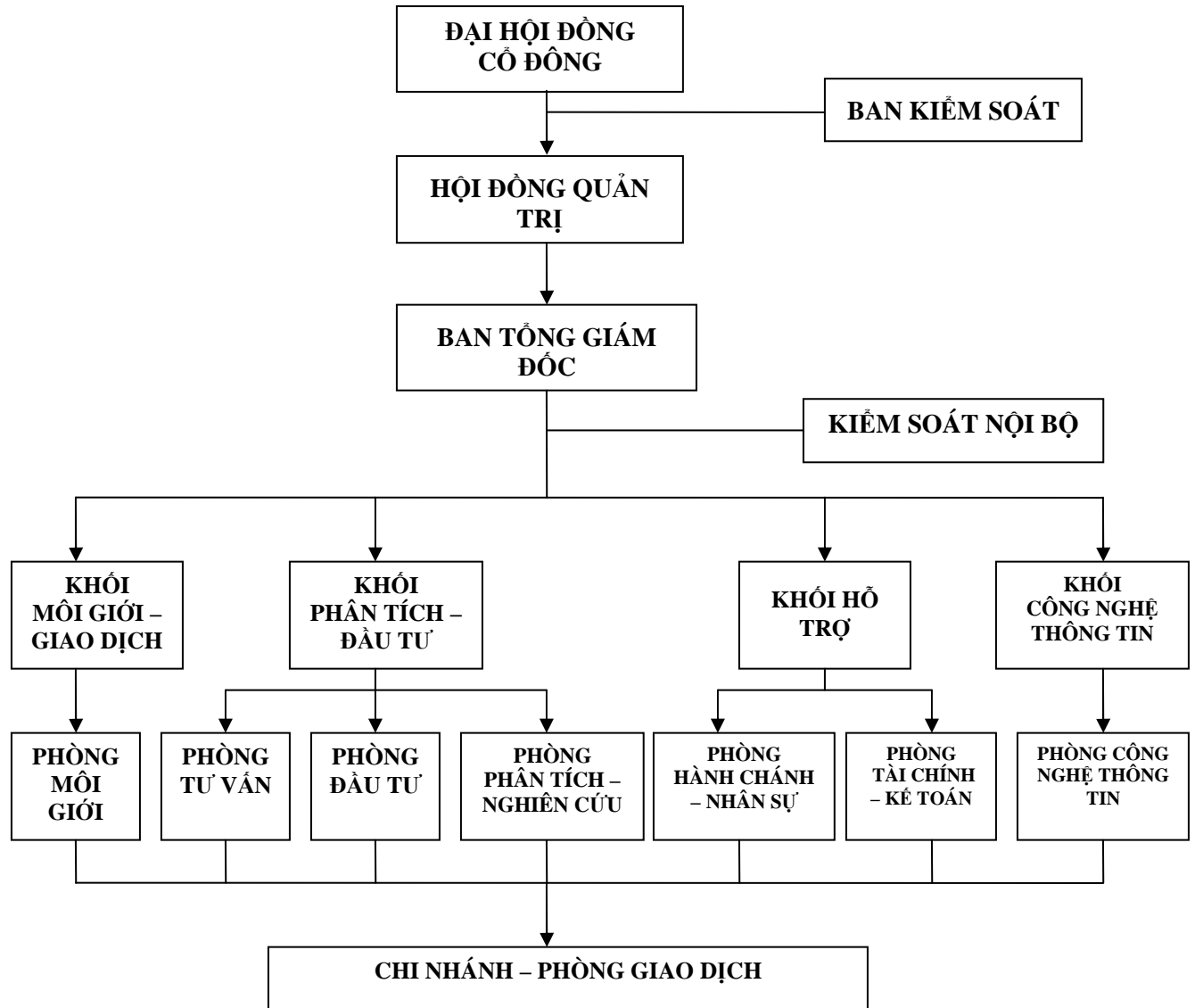
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nếu như đã nêu trên, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty : Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông với tỷ lệ nắm giữ là : 77.77%
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : không có.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông



## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

<b>Ông Nguyễn Thanh Tuyền</b> Tổng Giám Đốc	Ông Nguyễn Thanh Tuyền tốt nghiệp cao học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. Ông Tuyền có 8 năm kinh nghiệm làm việc ở các vị trí quản lý tại Ngân hàng Sacombank và Công ty Chứng khoán Sacombank – SBS. Tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông, Ông Tuyền đã từng đảm nhận vị trí Trưởng phòng Đầu tư, Giám đốc Khối Môi giới – Giao dịch và Phó Tổng Giám đốc trước khi được chính thức bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông.
<b>Ông Nguyễn Võ Minh Quân</b> Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Võ Minh Quân tốt nghiệp cao học tại Southern California University for Professional Studies (SCUPS) USA. Ông Quân từng đảm trách các chức vụ quản lý tại Công ty Cổ phần Saigon Kyndan, Công ty Chứng khoán Sacombank – SBS, Công ty Bảo hiểm Viễn Đông. Ông Quân từng được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Phân tích – Đầu tư và Giám đốc Khối Phân tích – Đầu tư trước khi trở thành Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông.

## 3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng số lượng cán bộ nhân viên VDSE là 39 người, trong đó có 9 cán bộ quản lý, 30 nhân viên

Trình độ học vấn	Số lượng
Sau Đại học	5
Đại học	26
Cao đẳng, Trung học	3

<b>Phổ thông</b>	<b>5</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>39</b>

### **Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân của người lao động tại VDSE trong năm 2010 vào khoảng **8,800,000** đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá cạnh tranh so với các đơn vị cùng ngành.

### **Chính sách đào tạo**

Công tác đào tạo luôn được VDSE chú trọng hàng đầu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Bên cạnh các khóa đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu về chứng chỉ hành nghề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, VDSE còn tổ chức các lớp rèn luyện kỹ năng cho CBNV bằng các hình thức: đào tạo tại chỗ và cử CBNV tham gia các chương trình đào tạo, khóa huấn luyện nghiệp vụ.

### **Tiền lương**

VDSE đã xây dựng quy chế tiền lương đảm bảo cho người lao động có thu nhập tương xứng với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật. Việc tăng lương cũng được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và mức độ đóng góp, năng lực thực tế của từng CBNV

### **Khen thưởng**

Nhằm khuyến khích cán bộ nhân viên hoạt động tích cực và nâng cao hiệu quả công việc, VDSE có chính sách khen thưởng định kỳ và đột xuất cho các tập thể và cá nhân đạt được thành tích nổi bật, đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

### **Phúc lợi**

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, VDSE còn có các chế độ cho cán bộ nhân viên vào dịp lễ, Tết; khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên; cấp phát trang phục làm việc; chế độ đi nghỉ mát hàng năm...

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

#### ❖ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 6 người, trong đó có 5 thành viên HĐQT là thành viên độc lập, không điều hành:

- Ông Trần Văn Ngọc : Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Trọng Hân : Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Huỳnh Sơn Phước : Phó Chủ tịch HĐQT
- Bà Đỗ Sông Hồng : Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Kim Ánh: Ủy viên HĐQT

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị có sự thay đổi là Bà Đỗ Sông Hồng – thành viên Hội đồng Quản trị đã được miễn nhiệm theo Nghị quyết số 20/2011/NQ-VĐSE1 ngày 23/09/2011 của Hội đồng Quản trị.

#### ❖ Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Tiến : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Châu Hoài : Thành viên BKS
- Ông Trương Tòng Bui : Thành viên BKS

Trong đó, Ông Nguyễn Châu Hoài đã từ trần vào tháng 9/2010. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ được bầu bổ sung trong Đại hội cổ đông năm 2012.

#### ❖ Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2009, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đã họp, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như sau:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty
- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông
- Quyết định các vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

#### ❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong các vấn đề: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và kế hoạch kinh doanh năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương và các quy chế, quy định khác.

### **❖ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**

Tham khảo các mô hình tổ chức và quản trị tiên tiến của thế giới, kết hợp với kinh nghiệm sẵn có, Hội đồng quản trị và Ban điều hành từng bước áp dụng và xây dựng hoàn thiện mô hình công ty hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Ban điều hành giao quyền tự chủ cho các phòng nghiệp vụ trong việc hoạch định kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ của phòng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty nhằm phát huy tối đa tính tự chủ, sáng tạo trong công việc của nhân viên.

Ban điều hành có kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm giám sát việc thực hiện kế hoạch của các phòng nghiệp vụ cũng như đảm bảo việc tuân thủ các quy chế, quy định của công ty.

### **❖ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

- Tổng số thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhận thù lao : 8 thành viên (trong đó HĐQT : 5 thành viên và Ban kiểm soát là 2 thành viên).
- Thù lao và chi phí hoạt động năm 2011 : 127.000.000 triệu đồng.

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

- ❖ *Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty*

STT	Cổ đông lớn, thành viên góp vốn	Số giấy CMND/ CNDK KD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/Địa chỉ trụ sở chính
1	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	23/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/01/2003	99 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
2	Công ty cổ phần Thế Kỷ 21	064078 do Sở KHĐT Tp.HCM cấp ngày 05/06/2007	41 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP.HCM
3	Ngân hàng TMCP Việt Á	Giấy phép thành lập và hoạt động số: 12/NH-GP do NHNN cấp ngày 09/05/2003	115-121 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM